

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1475/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi,
chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thực hiện
tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị
định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một
cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số
1602/TTr-SGTVT ngày 14/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thực hiện tại Trung
tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế thay thế Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *h*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh; (b/c)
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TT. CNTT&TT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, TTPVHCC. TXS



CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THỰC HIỆN TẠI
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 27/8/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Đường bộ			
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Không	Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Không	- Như trên -
3	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Không	- Như trên -
4	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công - ten - nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường	Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.	Không	- Như trên -

h

	và xe taxi tải).			
5	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công - ten - nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải).	Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.	Không	- Như trên -
6	Đăng ký khai thác tuyến.	<p>- Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021:</p> <p>+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh: Trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;</p> <p>+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Áp dụng từ ngày 01/7/2021: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đúng theo quy định.</p>	Không	- Như trên -
7	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định.	Không	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

8	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Không	- Như trên -
9	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác.	- Như trên -	Không	- Như trên -
10	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.	- Như trên -	Không	- Như trên -
11	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.	- Như trên -	Không	- Như trên -
12	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép ra văn bản chấp thuận.	Không	- Như trên -
13	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép.	Không	- Như trên -
14	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.	- Như trên -	Không	- Như trên -
15	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.	Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Không	- Như trên -
16	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện vận tải phi thương mại là xe của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Văn phòng các Bộ, các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức chính trị, chính trị -	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -

b

	xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp; Xe do doanh nhân ngoại quốc tự lái: phương tiện sử dụng bởi người có hộ chiếu của nước thứ ba cấp (hộ chiếu không phải của Việt Nam hoặc Campuchia) đóng trên địa bàn tỉnh.			
17	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam.	01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không	- Như trên -
18	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Không	- Như trên -
19	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện.	- Như trên -	Không	- Như trên -
20	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Không	- Như trên -
21	Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	Không	- Như trên -
22	Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS và thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS tại Việt Nam.	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
23	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký	- Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.	Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

24	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.	<p>- Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;</p> <p>- Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.</p>	<p>- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;</p> <p>- Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;</p> <p>- Lệ phí đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện.</p>	- Như trên -
25	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất.	Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian đăng tải	<p>- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;</p> <p>- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;</p>	- Như trên -
26	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố.	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra	Lệ phí cấp giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện	- Như trên -

			g tiện	
27	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Không	- Như trên -
28	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến.	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký	Cấp đăng ký, biên số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.	- Như trên -
29	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng có thời hạn.	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký	Lệ phí cấp đăng ký, biên số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.	- Như trên -
30	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Lệ phí cấp đăng ký, biên số: 70.000 đồng/lần cấp/phương tiện.	- Như trên -
31	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng.	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Không	- Như trên -
32	Cấp Giấy phép xe tập lái.	Không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
33	Cấp lại giấy phép xe tập lái.	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Không	- Như trên -
34	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả	Không	- Như trên -

		kiểm tra.		
35	Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
36	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô.	Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
37	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác.	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
38	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.	Không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
39	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
40	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.	<p>- Đối với trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị;</p> <p>- Đối với trường hợp trung tâm sát hạch lái xe được cấp lại khi bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề</p>	Không	- Như trên -

		ngộ.		
41	Cấp mới Giấy phép lái xe	Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.	(Không bao gồm học phí đào tạo lái xe) - Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng. - Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe mô tô hạng A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết 40.000 đồng/lần; Sát hạch thực hành 50.000 đồng/lần. + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết 90.000 đồng/lần; Sát hạch thực hành trong hình 300.000 đồng/lần; Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng 60.000 đồng/lần.	Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
42	Cấp lại Giấy phép lái xe.	- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng: Sau 2 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các	- Như trên -	- Như trên -

		<p>cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch thì được cấp lại giấy phép lái xe.</p> <p>- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên: Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định hoặc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.</p>		
43	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp.	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Lệ phí: 135.000 đ/lần.	- Như trên -
44	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
45	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
46	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
47	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng.	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
48	Cấp giấy phép lái xe quốc tế.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
49	Cấp lại giấy phép lái xe quốc tế.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
50	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, quá khổ giới	Trong thời hạn không quá 02 ngày	Không	- Như trên -

	hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định;		
51	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (Vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
52	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (Vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	Trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
53	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (Vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	Không quá 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
54	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (Vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	Không quá 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
55	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết	Trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia hạn	Không	- Như trên -

	cầu hạ tầng giao thông đường bộ của Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (Vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	theo quy định.		
56	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối vào Quốc lộ là đường từ cấp IV trở xuống ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý và hệ thống đường tỉnh, đường huyện do Sở giao thông vận tải quản lý.	Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
57	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (Vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	- Như trên -	Không	- Như trên -
58	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (Vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	- Như trên -	Không	- Như trên -
II Lĩnh vực đăng kiểm				
59	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới đường bộ cải tạo.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	- Giá dịch vụ thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo 300.000 đồng/chiếc. - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo:	Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

			50.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận).	
III	Lĩnh vực Đường thủy nội địa			
60	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa.	Chậm nhất là 05 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
61	Cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.	Chậm nhất là 4 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	100.000 đồng.	- Như trên -
62	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.	Chậm nhất là 02 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	100.000 đồng.	- Như trên -
63	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	Chậm nhất là 07 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Như trên -
64	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	Chậm nhất là 03 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Như trên -
65	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (đối với Giấy chứng	Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/11/2018

	nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4).			của Chủ tịch UBND tỉnh.
66	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (đối với Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4).	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo; - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. 	Không	- Như trên -
67	Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải gửi giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM	<ul style="list-style-type: none"> - Phí sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng: <ul style="list-style-type: none"> + Hạng nhất: lý thuyết tổng hợp: 50.000đ/lần sát hạch; lý thuyết chuyên môn: 50.000đ/lần sát hạch; thực hành: 120.000đ/lần sát hạch. + Hạng nhì: lý thuyết tổng hợp: 50.000đ/lần sát hạch; lý thuyết chuyên môn: 50.000đ/lần sát 	Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

			<p>hạch; thực hành: 100.000đ/lần sát hạch.</p> <p>+ Hạng ba: lý thuyết tổng hợp: 50.000đ/lần sát hạch; lý thuyết chuyên môn: 50.000đ/lần sát hạch; thực hành: 90.000đ/lần sát hạch.</p> <p>+ Hạng tư: lý thuyết tổng hợp: 70.000đ/lần sát hạch; thực hành: 80.000đ/lần sát hạch.</p> <p>- Phí sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng:</p> <p>+ Hạng nhất: lý thuyết tổng hợp: 50.000đ/lần sát hạch; lý thuyết chuyên môn: 50.000đ/lần sát hạch; thực hành: 100.000đ/lần sát hạch.</p> <p>+ Hạng nhì: lý thuyết tổng hợp: 50.000đ/lần sát hạch; lý thuyết chuyên môn: 50.000đ/lần sát hạch; thực hành: 70.000đ/lần sát hạch.</p>	
--	--	--	---	--

			+ Hạng ba: lý thuyết tổng hợp: 40.000đ/lần sát hạch; lý thuyết chuyên môn: 40.000đ/lần sát hạch; thực hành: 60.000đ/lần sát hạch.	
68	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM	- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn: 50.000đ/giấy. - Chứng chỉ chuyên môn: 20.000đ/giấy	- Như trên -
69	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	Chậm nhất là 3 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	70.000 đồng.	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
70	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
71	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
72	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
73	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
74	Đăng ký lại phương tiện	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

	trong trường hợp chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.			
75	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
76	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	Chậm nhất là 2 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
77	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	Chậm nhất là 2 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không	- Như trên -
78	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa.	Chậm nhất là 07 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Như trên -
79	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa.	- Chậm nhất là 10 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài). - Chậm nhất là 05 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	100.000 đồng.	- Như trên -

		hợp lệ (đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).		
80	Công bố lại cảng thủy nội địa.	<p>- Chậm nhất là 06 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).</p> <p>- Chậm nhất là 03 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).</p>	100.000 đồng.	- Như trên -
81	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương.	Chậm nhất là 10 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Như trên -
82	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	Chậm nhất là 05 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Như trên -
83	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa	- Như trên -	Không	- Như trên -

	phương.			
84	Chấp thuận điều chỉnh phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	- Như trên -	Không	- Như trên -
85	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương).	- Như trên -	Không	- Như trên -
86	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương).	- Như trên -	Không	- Như trên -
87	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế.	Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Như trên -
88	Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa.	Nếu hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xin ý kiến của các	Không	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.



		<p>cơ quan, đơn vị liên quan; chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến phải có văn bản phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông, trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p>		
89	<p>Chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.</p>	<p>Trong thời gian 15 ngày làm việc, trong đó: Thời gian giải quyết tại Sở Giao thông vận tải là 10 ngày làm việc; thời gian giải quyết tại UBND tỉnh là 05 ngày làm việc.</p>	Không	- Như trên -
Tổng số: 89 TTHC				

Lưu ý:

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và chuyển ngay hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến các Sở, ban ngành trong buổi làm việc. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ 00 thì thời gian chuyển hồ sơ được tính vào đầu giờ sáng ngày làm việc tiếp theo.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận kết quả từ các Sở, ban ngành và trả cho cá nhân, tổ chức ngay trong buổi làm việc.

h